

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Tiến Dũng.
- Bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Thôn Đồi Me, xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Dg trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau ngày 26/12/2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh Kiên ở thôn H, xã Y. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã. Đến đầu tháng 8 năm

2023 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Y ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nam T, sinh ngày 31/7/2006 và cháu Nguyễn Nam S, sinh ngày 31/5/2009. Hiện cháu T đang ở cùng anh K, cháu S đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận trình bày của chị D về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, thời gian, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D và có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Nam T, sinh ngày 31/7/2006 và cháu Nguyễn Nam S, sinh ngày 31/5/2009. Hiện cháu T đang ở cùng anh, cháu S đang ở cùng chị D. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đề nghị hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K, anh K có nơi cư trú tại xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn K nhưng anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau ngày 26/12/2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tháng 8 năm 2023 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị D xác định không còn tình cảm với anh K và kiên quyết đề nghị Tòa giải quyết ly hôn; anh K xác định vẫn còn tình cảm với chị D nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh K đều không đến làm việc. Anh K cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, chị D thì kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Xác minh tại UBND xã Y được biết từ tháng 8 năm 2023 chị D bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn Đồ, xã Y ở không ở cùng với anh K, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị D và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nam T, sinh ngày 31/7/2006 và cháu Nguyễn Nam S, sinh ngày 31/5/2009. Hiện cháu T đang ở cùng anh K, cháu S đang ở cùng chị D. Ly hôn, anh K, chị D đều đề nghị để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng

của các cháu và để ổn định cuộc sống hai cháu nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác*: Các đương sự đề tự nguyện không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nam T, sinh ngày 31/7/2006; chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nam S, sinh ngày 31/5/2009. Anh K, chị D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000043 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trường Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lập;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Sơn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Đình;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Việt

